

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26/4/2021.
Về việc tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé.
2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Bá Thi, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:*** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** ông H, sinh năm 1976. (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh An Giang.

+ ***Bị đơn:*** bà Phạm Thị H1, sinh năm 1971. (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai ngày 18/3/2021 nguyên đơn ông H trình bày: Ông H và bà Phạm Thị H1 do quen biết nên tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 1990 không có đăng ký kết hôn. Thời gian gần 4 năm nay cả hai xảy ra xích mích, bất hòa, bất đồng quan điểm với nhau, quan điểm sống không

phù hợp. Cả hai đã không còn sống chung từ năm 2017 đến nay không còn chung sống với nhau. Nay, ông H yêu cầu xin ly hôn với bà H1.

- *Về quan hệ con chung*: có 02 con chung tên Phan Thị X, sinh năm 1991 và Phan Thị L, sinh năm 1993. Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung*: không có.

- *Về quan hệ nợ chung*: không có.

Bị đơn: bà Phạm Thị H1 trình bày: bà thống nhất với lời trình bày của ông H, cả hai đã ly thân và không còn chung sống với nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay, ông H xin ly bà đồng ý ly hôn với ông H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung bà hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông H.

Tòa án đã mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: ông H khởi kiện bị đơn bà Phạm Thị H1. Bà H1 có nơi cư trú tại ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: ông H và bà Phạm Thị H1 xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định; do đó hôn nhân của ông H và bà H1 là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên không công nhận Ông Phan Văn H và bà Phạm Thị H1 là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung*: ông H và bà H1 có 02 con chung tên Phan Thị X, sinh năm 1991 và Phan Thị L, sinh năm 1993. Hiện 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ tài sản chung*: ông H và bà H1 xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung*: ghi nhận ông H và bà H1 trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi

kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông H và bà H1 trong thời kỳ hôn nhân thì ông H và bà H1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Áp dụng các Điều 8, 9, 14, 15 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H.
2. *Về quan hệ hôn nhân:* không công nhận ông Phan Văn H và bà Phạm Thị H1 là vợ chồng.
3. *Về quan hệ con chung:* ông H và bà H1 có 02 con chung tên Phan Thị X, sinh năm 1991 và Phan Thị Liên, sinh năm 1993. Hiện 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.
4. *Về quan hệ tài sản chung:* ông H và bà H1 xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. *Về án phí:* ông Phan Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; theo biên lai thu số 0006717 ngày 18/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Thanh